

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện
thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình
và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2020;

- Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Tại khoản 1 Điều 22 Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền*”.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định nguyên tắc xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo “*b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến*”.

- Tại Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 07/3/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra mục tiêu “*100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4*” và “*Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính*”.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã cung cấp 1.755 thủ tục hành chính, trong đó có 245 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 (*chiếm 13,96%*); tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 là 1.234 (*đạt 86,03%*), trong đó gồm: 225 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (*đạt 12,82%*); 1.285 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*đạt 73,21%*). Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện thu phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định là 85 dịch vụ, trong đó: 42 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 43 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Hiện nay, có 08 loại phí và 06 loại lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí chưa có quy định đối với các đối tượng được giảm phí, lệ phí khi nộp hồ sơ trực tuyến; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đang thực hiện thu theo mức thu trực tiếp quy định tại các Nghị quyết nêu trên của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Việc giảm phí, lệ phí đối với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần là một trong những giải pháp nhằm thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; tạo sự lành mạnh trong thực hiện thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; hiện đại hóa nền hành chính gắn với xây dựng Chính quyền điện tử và tiết giảm các chi phí hành chính trong các cơ quan nhà nước. Do vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng tạo cơ sở thống nhất cho các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị có liên quan đến việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện; đồng thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước các cấp cung cấp.

2. Quan điểm xây dựng

- Đảm bảo sự phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Phí và lệ phí năm 2015, các văn bản dưới Luật và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương.

- Đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Thực hiện thông báo số 367/TB-HĐND ngày 29/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Thông báo thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026; trong đó có nội dung giao UBND tỉnh tham mưu ban hành Nghị quyết giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng dự thảo Nghị quyết.

- Cơ quan soạn thảo đã gửi dự thảo Nghị quyết xin ý kiến của các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời tiến hành đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; tổng hợp ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Các cơ quan, đơn vị cơ bản nhất trí đối với sự cần thiết, nội dung của dự thảo Nghị quyết. Có 28 cơ quan, đơn vị có văn bản góp ý đối với dự thảo Nghị quyết, trong đó: 25 ý kiến nhất trí với dự thảo; 03 ý kiến góp ý, đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình cụ thể.

- Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 225/BCTĐ-STP ngày 03/11/2022. Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. TÊN NGHỊ QUYẾT; BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Tên Nghị quyết

Tại Thông báo số 367/TB-HĐND ngày 29/9/2022, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND tỉnh tham mưu, trình ban hành “*Nghị quyết giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực*

tuyển trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

Tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/8/2022). Theo đó, tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định 42/2022/NĐ-CP quy định về các khái niệm “*dịch vụ công trực tuyến toàn trình*” và “*dịch vụ công trực tuyến một phần*” thay cho các khái niệm dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4 được quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ¹ trước đây.

Đề phù hợp với quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, UBND tỉnh đề xuất đổi tên Nghị quyết thành: “*Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*”.

2. Bố cục

Ngoài phần căn cứ, dự thảo Nghị quyết gồm 3 điều, cụ thể:

Điều 1. Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định mức giảm phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (trừ những đối tượng được miễn thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật); các cơ quan thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

¹ Nghị định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3.2. Mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần bằng 50% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Gửi kèm theo Tờ trình:

- (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- (2) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết;
- (3) Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết;
- (4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: TT và TT, Tài chính, Tư pháp;
- VPUBND tỉnh: LĐVP; TP.VX, CVTH(Nh);
- Lưu: VT, VX_(M).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Số: /2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức giảm phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*trừ những đối tượng được miễn thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật*).

b) Các cơ quan thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần bằng 50% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Số: 1389 /BC-STTTT

Cao Bằng, ngày 31 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia vào dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Ngày 11/10/2022, Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) có công văn số 1248/STTTT-BCVTCNTT gửi các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông đã nhận được 28 công văn tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó: 25 ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo; 03 ý kiến cơ bản nhất trí và tham gia chỉnh sửa Nghị quyết. Sau khi nghiên cứu, tiếp thu giải trình các ý kiến tham gia, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp như sau:

1. Các đơn vị nhất trí với nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết (25 đơn vị):

TT	Tên cơ quan	Ý kiến tham gia	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
1	Sở Khoa học và công nghệ	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
2	Sở Công Thương	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
3	Sở Giao thông vận tải	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
4	Sở Ngoại vụ	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
5	Sở Nội vụ	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		

7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
8	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
9	Sở Xây dựng	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
12	Ban dân tộc	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
13	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
14	Thanh tra tỉnh	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
15	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
16	UBND Thành phố Cao Bằng	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
17	UBND Huyện Bảo Lạc	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
18	UBND Huyện Bảo Lâm	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
19	UBND Huyện Hạ Lang	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
20	UBND Huyện Hà Quảng	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
21	UBND Huyện Hòa An	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
22	UBND Huyện Nguyên Bình	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		

23	UBND Huyện Quảng Hòa	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
24	UBND Huyện Trùng Khánh	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
25	UBND Huyện Thạch An	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		

2. Các đơn vị có ý kiến đóng góp đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết (03 đơn vị):

TT	Ý kiến tham gia	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH			
1	VỀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT			

1.1	<p>Về tên dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa thành: <i>“Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”</i>.</p> <p>Lý do sửa tên dự thảo Nghị quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tuyến là việc nộp hồ sơ qua môi trường mạng, chỉ có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đáp ứng điều kiện này, do đó nên quy định cụ thể là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sẽ hiểu, dễ thực hiện. - Việc giảm phí, lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến ở cả mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nhằm khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến được thuận tiện và nhanh chóng, giúp giảm chi phí, thời gian cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số, thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước. 			<p>Sở TT& TT tiếp thu và chỉnh sửa một phần vào dự thảo.</p> <p>Tên Nghị quyết sửa thành: <i>“Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”</i></p> <p>Lý do: Tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2022 đã không còn quy định Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 mà quy định là Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần.</p>
-----	--	--	--	---

1.2	<p>2. Tại Điều 1. Sửa lại như tên dự thảo Nghị quyết: "Ban hành Quy định mức giảm...mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng"</p>	x	<p>Sở TT& TT tiếp thu một phần và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết Nội dung được sửa lại như sau: "Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng"</p>
1.3	<p>- Tại Khoản 1, Điều 1: Phạm vi điều chỉnh Bổ sung và chỉnh sửa thành: "Nghị quyết này Quy định mức giảm phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng". - Lý do: HĐND tỉnh chỉ quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền.</p>	x	<p>Sở TT& TT tiếp thu một phần và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết Nội dung được chỉnh sửa như sau: "Nghị quyết này Quy định mức giảm phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng"</p>
1.4	<p>- Tại Khoản 2, Điều 1: Đối tượng áp dụng. + Gạch đầu dòng thứ nhất: "Các tổ chức, cá nhân... quy định của pháp luật". Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa như sau: "<i>Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (trừ những đối tượng được miễn thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật)</i>"</p>	x	<p>Sở TT& TT tiếp thu một phần và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết Nội dung được chỉnh sửa như sau: a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (trừ những đối tượng được miễn thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật).</p>

1.5	<p>- Tại Khoản 3, Điều 1: "Mức giảm phí, lệ phí ... Cao Bằng. Đề nghị chỉnh sửa như sau: "Mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 bằng 50% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh Cao Bằng".</p>	x		<p>Sở TT& TT tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết Nội dung được chỉnh sửa như sau: "3. Mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần bằng 50% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng"</p>
1.6	<p>- Tại gạch đầu dòng thứ 2 đang quy định: "Đối tượng được giảm phí, lệ phí đối với hoạt động nộp hồ sơ trực tuyến thực hiện theo quy định hiện hành tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh Cao Bằng". Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày, làm rõ ý nội dung này, do các Nghị quyết của HĐND tỉnh Cao Bằng về phí, lệ phí chưa có quy định đối với các "Đối tượng được giảm phí, lệ phí đối với hoạt động nộp hồ sơ trực tuyến"</p>	x		Sở TT& TT tiếp thu
2	VỀ THỂ THỨC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT			
2.1	Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại như sau:			
	<p>Tên Nghị quyết: NGHỊ QUYẾT Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN</p>	x		<p>Sở TT& TT tiếp thu một phần và chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết: Nội dung được chỉnh sửa như sau: NGHỊ QUYẾT Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua</p>

	TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 11			<p>dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng</p> <p>Lý do: Tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2022 đã không còn quy định Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 mà quy định là Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần.</p>
2.2	Chỉnh sửa nội dung căn cứ ban hành:			
	<p><i>Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.</i></p> <p>QUYẾT NGHỊ:</p> <p>Điều 1. Ban hành Quy định mức giảm ... trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. (theo tên Nghị quyết)</p> <p>---</p> <p>Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	x		Sở TT& TT tiếp thu một phần và chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết

	<p>theo quy định.</p> <p>Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2022./.</p>			
2.3	Đề nghị:			
	- Bỏ Điều 4. Tổ chức thực hiện như trong dự thảo;	x		Sở TT& TT tiếp thu
	- Phần nơi nhận: bổ sung Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông.	x		Sở TT& TT tiếp thu
II	SỞ TÀI CHÍNH			
1	<p>Phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1, điều 1 dự thảo</p> <p>Đề xuất bổ sung nội dung "<i>...phi, lệ phi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng</i>"</p>	x		Sở TT& TT tiếp thu
2	<p>Tại khoản 2, điều 1 dự thảo quy định:</p> <p><i>" 2. Đối tượng áp dụng</i></p> <p><i>- Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính khi nộp hồ sơ trực tuyến phải nộp phi, lệ phi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (trừ những đối tượng được miễn thu phi, lệ phi theo quy định của pháp luật)"</i></p> <p>Tuy nhiên, tại khoản 3, điều 1</p>	x		Sở TT& TT tiếp thu

	<p>dự thảo quy định: <i>“Giảm 50% phí, lệ phí khi người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định tại các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)”</i> Đề xuất Sở Thông tin và Truyền thông, xem xét, chỉnh sửa đổi tượng áp dụng Nghị quyết đầy đủ, thống nhất.</p>			
3	<p>Bỏ đầu dòng thứ 2, khoản 3, điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định về đối tượng giảm phí, lệ phí, đề xuất lồng ghép nội dung tại gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 2, điều 1 dự thảo Nghị quyết.</p>	x		Sở TT& TT tiếp thu
III	SỞ TƯ PHÁP			
1	Đối với dự thảo Tờ trình			
	<p>Dự thảo đã thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần chỉnh sửa tên dự thảo Tờ trình để thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết cần trình.</p>	x		Sở TT& TT tiếp thu
2	Đối với dự thảo Nghị quyết			
2.1	<p>- Tại thứ tự kỳ họp, đề nghị chỉnh sửa như sau: “...KHÓA XVII KỶ HỌP THỨ...”</p>	x		Sở TT& TT tiếp thu

2.2	- Tại nội dung “Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh”, đề nghị thay Ban Dân tộc bằng Ban Văn hóa – Xã hội”.	x		Sở TT& TT tiếp thu
2.3	- Tại Điều 1 + Đề nghị bỏ cụm từ “Ban hành”, vì đây là Nghị quyết ban hành trực tiếp.	x		Sở TT& TT tiếp thu
2.3.1	+ Tại phạm vi điều chỉnh, dự thảo quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, tuy nhiên, đề nghị dự thảo cần làm rõ việc giảm phí, lệ phí này chỉ thực hiện đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, cần làm rõ Nghị quyết này có điều chỉnh đối với tất cả các loại phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính hay không hay chỉ áp dụng đối với một số loại phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính.	x		Sở TT& TT tiếp thu
2.3.2	+ Tại khoản 2, dự thảo quy định là “tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính”, tuy nhiên tại tên dự thảo Nghị quyết quy định “người dân, doanh nghiệp” là chưa thống nhất. Đề nghị quy định cho phù hợp.	x		Sở TT& TT tiếp thu
2.3.4	+ Tại khoản 3, đề nghị xem xét quy định cho đảm bảo phù hợp, ngắn gọn, xúc tích, dễ hiểu. Đồng thời, xem xét, bỏ nội dung “Đối tượng được giảm phí, lệ phí đối với hoạt động nộp hồ sơ trực tuyến...”,	x		Sở TT& TT tiếp thu

	vì trùng lặp, không cần thiết.			
2.3.5	+ Dự thảo nên bỏ quy định tại khoản 4, vì tỷ lệ để lại phí đã được quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.	x		Sở TT& TT tiếp thu
2.4	- Tại Điều 4, đề nghị chỉnh sửa như sau: " <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.</i> "	x		Sở TT& TT tiếp thu

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia vào dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó GD sở;
- Lưu: VT, BCVCNTT.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Ngọc Sơn

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết

Ngày 24/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/8/2022. Trong đó, tại điểm a, điểm b Khoản Điều 11 quy định: Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo 02 mức độ như sau:

“Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Dịch vụ công trực tuyến một phần: là dịch vụ công trực tuyến không bảo đảm các điều kiện quy định của Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.”

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang thực hiện thu các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh quy định tại các Nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành/ Hiệu lực	Nội dung
1	77/2016/NQ-HĐND	08/12/2016 01/01/2017	Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng Phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
2	79/2016/NQ-HĐND	08/12/2016 01/01/2017	Nghị quyết Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
3	80/2016/NQ-HĐND	08/12/2016 01/01/2017	Nghị quyết Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực văn hóa thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
4	27/2022/NQ-HĐND	15/7/2022 25/7/2022	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

5	33/2022/NQ-HĐND	15/7/2022 25/7/2022	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
6	34/2022/NQ-HĐND	15/7/2022 25/7/2022	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
7	36/2022/NQ-HĐND	15/7/2022 25/7/2022	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
8	39/2022/NQ-HĐND	15/7/2022 25/7/2022	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
9	42/2022/NQ-HĐND	15/7/2022 25/7/2022	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Tính đến hết tháng 9/2022, Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh cung cấp 1.755 thủ tục hành chính, trong đó có 245 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 (*chiếm 13,96%*); tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 là 1.234 (*đạt 86,03%*), trong đó gồm: 225 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (*đạt 12,82%*); 1.285 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*đạt 73,21%*). Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện thu phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định là 85 dịch vụ, trong đó: 42 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 43 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo*). Trong khi đó, có 08 loại phí và 06 loại lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa có quy định đối với các đối tượng được giảm phí, lệ phí khi nộp hồ sơ trực tuyến; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đang thực hiện thu theo mức thu trực tiếp quy định tại các Nghị quyết nêu trên của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc ban hành Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nhằm thúc đẩy hiệu quả cung cấp, đề khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nâng cao tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư và tiết kiệm chi phí xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Chính sách: *Giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

1. Xác định vấn đề bất cập

Như đã thống kê ở trên, trong thời gian qua, dịch vụ công trực tuyến đã được cơ quan nhà nước các cấp tích cực rà soát, cung cấp trên Cổng dịch vụ công tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn rất thấp; chưa được người dân và doanh nghiệp quan tâm, thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tuyến. Năm 2021, tỉnh Cao Bằng chỉ đạt 10% số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến chỉ đạt 9,8%. Trong 09 tháng đầu năm 2022, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ chỉ đạt 19%. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến chỉ số cải cách hành chính của tỉnh nằm trong nhóm thấp nhất của cả nước; chất lượng phục vụ người dân của chính quyền trên môi trường số vẫn chưa được cải thiện; các nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh, đặc biệt là phát triển chính quyền số chưa được hoàn thành theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc ban hành chính sách giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần là một giải pháp khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi thực hiện các thủ tục hành chính, từ đó nâng cao tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân của các cơ quan nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tiết kiệm chi phí xã hội.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí, lệ phí để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, đề xuất quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đánh giá tác động của giải pháp

** Kết quả thu, nộp ngân sách về phí, lệ phí (thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh) đối với hoạt động thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh khi chưa quy định mức giảm.*

- Thu phí:

+ Năm 2021 số phí thu được là: 454.514.000 đồng;

+ Năm 2022 (9 tháng đầu năm) số phí thu được là: 295.651.000 đồng;

- Thu lệ phí:

+ Năm 2021 số lệ phí thu được là: 956.664.000 đồng;

+ Năm 2022 (9 tháng đầu năm) số lệ phí thu được là: 798.635.000 đồng;

** Đánh giá tác động ảnh hưởng với mức thu các khoản phí, lệ phí đối với thực hiện dịch vụ công trực tuyến*

Nếu ước tính tổng số thu phí, lệ phí năm 2022 số thu bằng năm 2021, cụ thể:

+ Thu phí khoảng: 454.514.000 đồng;

+ Thu lệ phí khoảng: 956.664.000 đồng;

Thì sau khi giảm 50% mức thu phí, lệ phí nếu thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số thu ngân sách về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh sẽ giảm như sau:

+ Phí khoảng: 227.257.000 đồng;

+ Lệ phí khoảng: 475.332.000 đồng;

*** Ưu điểm**

Thứ nhất, nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến, từ đó nâng cao tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/3/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 984/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành kế hoạch thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Thứ hai, góp phần thúc đẩy nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, từ đó góp phần cải thiện xếp hạng các chỉ số của tỉnh so với các địa phương trong cả nước (như: *Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (PAPI)...*).

*** Nhược điểm**

Ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước từ phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, mức giảm này chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng thu ngân sách hằng năm của tỉnh.

5. Kiến nghị

UBND tỉnh kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nhằm khuyến khích người dân tăng cường sử dụng dịch vụ cung cấp trực tuyến, tạo cơ sở thống nhất cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện; góp phần hoàn thành các nhiệm vụ về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số nói riêng và các nhiệm vụ về kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Dự thảo báo cáo đánh giá tác động cùng với văn bản, tài liệu hồ sơ dự thảo Nghị quyết được lấy ý kiến các sở, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh bằng văn bản theo quy định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Sau khi Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, các sở, ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động đối với chính sách giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: TT và TT, Tài chính, Tư pháp;
- VPUBND tỉnh: LĐVP; TP.VX, CVTH(Nh);
- Lưu: VT, VX^(M).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

PHỤ LỤC

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRIỂN KHAI CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3,
MỨC ĐỘ 4 CÓ THU PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 2934/BC-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
A	CẤP TỈNH					
I	SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI					
1	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000205.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	600.000 đồng/giấy phép
2	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000192.00 0.00.00.H14		4		450.000 đồng/giấy phép
3	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1.009811.00 0.00.00.H14		4		450.000 đồng/giấy phép
II	SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT					
1	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	3.000198.00 0.00.00.H14		4	Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông tư 14/2018/TT-BTC. Nghị quyết số 39/2022/NQ-	- Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp: + Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/01 giống; + Công nhận vườn giống: 2.400.0 đồng/01 vườn giống; + Công nhận nguồn gốc lô giống, lô

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
					HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	con giống là 600.000 đồng/01 lô giống. + Công nhận cây mẹ, cây đầu dòng là 2000.000 đ/1 lần bình tuyến; + Công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống là 5.000.000đ/1 lần bình tuyến.
III	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	2.000.000 đồng/giấy phép
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396.00 0.00.00.H14		4		2.000.000 đồng/giấy phép
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1.003441.00 0.00.00.H14		4		2.000.000 đồng/giấy phép
4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000983.00 0.00.00.H14		4		2.000.000 đồng/giấy phép

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	1.000953.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	2.000.000 đồng/giấy phép
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814.00 0.00.00.H14	3			2.000.000 đồng/giấy phép
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	1.000644.00 0.00.00.H14	3			2.000.000 đồng/giấy phép
8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	1.005163.00 0.00.00.H14	3			2.000.000 đồng/giấy phép
IV	SỞ XÂY DỰNG					
1	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án); công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.	1.009974.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 đồng/1 giấy phép; Cấp phép xây dựng các công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án); công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.	1.009975.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	- Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 đồng/1 giấy phép; - Cấp phép xây dựng các công trình khác: 150.000 đồng/1 giấy phép.
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án); công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.	1.009976.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	- Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 đồng/1 giấy phép; - Cấp phép xây dựng các công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh	1.009977.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và	- Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 đồng/1 giấy phép; - Cấp phép xây dựng các công trình

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
	hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án); công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.				sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	khác: 150.000 đồng/giấy phép.
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án); công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên	1.009978.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	- Gia hạn giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/lần.
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án); công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp	1.009979.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	- Cấp lại giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/lần.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
	huyện trở lên.					
V	SỞ TƯ PHÁP					
*	HỘ TỊCH	01 TT				
1	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.00 0.00.00.H14		4	- Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký
VI	SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG					
*	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG					
1	Cấp giấy phép môi trường	1.010727.00 0.00.00.H14		4	- Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Theo các Dự án nhóm I, II, III
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	1.010730.00 0.00.00.H14		4		Theo các Dự án nhóm I, II, III
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1.010729.00 0.00.00.H14		4		Bằng 50% mức thu cấp, cấp lại GPMT
4	Cấp lại giấy phép môi trường	1.010728.00 0.00.00.H14		4		Theo các Dự án nhóm I, II, III
5	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.010733.00 0.00.00.H14		4		Theo Tổng vốn đầu tư của Dự án

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
6	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)			4		9.000.000
*	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC					
1	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122.00 0.00.00.H14		4	- Nghị quyết 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	1.400.000
2	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	1.004140.00 0.00.00.H14		4	- Nội dung này được thẩm định trong Giấy phép môi trường	
3	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	1.004152.00 0.00.00.H14		4	- Nội dung này được thẩm định trong Giấy phép môi trường	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm.	1.004167.00 0.00.00.H14		4	- Thực hiện theo Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	300.000
4.1	<i>Đối với đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng < 0,1m³/s; để phát điện với công suất < 50Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng < 500m³/ngày đêm.</i>			4		300.000
4.2	<i>Đối với đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng < 0,1m³/s đến < 0,5m³/s; để phát điện với công suất từ 50Kw đến < 200Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến < 3000m³/ngày đêm.</i>			4		600.000

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
4.3	<i>Đối với đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng < 0,5m³/s đến < 1m³/s; để phát điện với công suất từ 200Kw đến < 1000Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến <20000m³/ngày đêm.</i>			4		1.500.000
4.4	<i>Đối với đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng < 1m³/s đến < 2m³/s; để phát điện với công suất từ 1000Kw đến < 2000Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20000 đến <50000m³/ngày đêm.</i>			4		2.800.000
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm	1.004179.00 0.00.00.H14		4	Thực hiện theo Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
5.1	<i>Đối với đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng < 0,1m³/s; để phát điện với công suất < 50Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng < 500m³/ngày đêm.</i>			4		600.000
5.2	<i>Đối với đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng < 0,1m³/s đến < 0,5m³/s; để phát điện với công suất từ 50Kw đến < 200Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến < 3000m³/ngày đêm.</i>			4		1.200.000
5.3	<i>Đối với đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng < 1m³/s đến < 2m³/s; để phát điện với công suất từ 1000Kw đến < 2000Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20000 đến < 50000m³/ngày đêm.</i>			4		5.600.000

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004211.00 0.00.00.H14		4	Thực hiện theo Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	
6.1	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước < 200m ³ /ngày đêm			4		200.000
6.2	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200m ³ đến < 500m ³ /ngày đêm			4		400.000
6.3	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500m ³ đến < 1000m ³ /ngày đêm			4		1.000.000
6.4	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1000m ³ đến < 3000m ³ /ngày đêm			4		1.700.000
7	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1004223000 .00.00.H14		4	Thực hiện theo Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	
7.1	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước < 200m ³ /ngày đêm			4		400.000

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
7.2	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200m ³ đến < 500m ³ /ngày đêm			4		800.000
7.3	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500m ³ đến < 1000m ³ /ngày đêm			4		2.000.000
7.4	Đề án báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1000m ³ đến < 3000m ³ /ngày đêm			4		3.400.000
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004228.00 0.00.00.H14		4		
8.1	Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước < 200m ³ /ngày đêm			4	Thực hiện theo Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	200.000
8.2	Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước từ 200m ³ /ngày đêm đến 500m ³ /ngày đêm			4		500.000
8.3	Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước từ 500m ³ /ngày đêm đến 1000m ³ /ngày đêm			4		1.100.000
8.4	Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước từ 1000m ³ /ngày đêm đến 3000m ³ /ngày			4		2.000.000

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
	<i>đêm</i>					
9	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm (cấp tỉnh)	1.004232.00 0.00.00.H14		4		
9.1	<i>Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước <200m³/ngày đêm</i>			4		400.000
9.2	<i>Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước 200m³/ngày đêm đến 500m³/ngày đêm</i>			4	Thực hiện theo Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	1.000.000
9.3	<i>Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước từ 500m³/ngày đêm đến 1000m³/ngày đêm</i>			4		2.000.000
9.4	<i>Báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước từ 1000m³/ngày đêm đến 3000m³/ngày đêm</i>			4		4.000.000
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	2.001738.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	700.000
*	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI					

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.002253.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	Đối với tổ chức: + Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 2.000.000 đồng/hồ sơ + Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cấp lại: 1.500.000 đồng/hồ sơ Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Hộ gia đình cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh: 300.000 đồng/hồ sơ + Hộ gia đình cá nhân sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.002040.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	Đối với tổ chức: + Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 2.000.000 đồng/ hồ sơ. + Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cấp lại: 1.500.000 đồng/hồ sơ Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Hộ gia đình cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh: 300.000 đồng/hồ sơ + Hộ gia đình cá nhân sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
3	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức	1.004257.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	Đối với tổ chức: + Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 2.000.000 đồng/hồ Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cấp lại: 1.500.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Hộ gia đình cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh: 300.000 đồng/hồ sơ + Hộ gia đình cá nhân sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ
4	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.004238.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
5	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy nhận (đổi tên hoặc 4 giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử	1.004227.00 0.00.00.H14 - Nghị định số 79/2016/NQ - HĐND ngày		4	Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	Trường hợp không cấp mới GCN: - Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
	dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất số với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng				đồng/ hồ sơ * Trường hợp cấp mới GCN - Đối với tổ chức: 530.000 đồng/ hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 43.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 28.000 đồng/ hồ sơ.
6	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	.004221.000 .00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/ hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/ hồ sơ
7	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	1.004206.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/ hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/ hồ sơ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
8	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.004203.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
9	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	004199.000. 00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;	- Đối với tổ chức: 50.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 50.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 25.000 đồng/ hồ sơ
10	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.	2.001761.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;	Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
11	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	1.003003.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	Đối với tổ chức: 500.000 đồng/hồ sơ Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 25.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 12.000 đồng/hồ sơ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
12	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2.000983.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	Đối với tổ chức: 500.000 đồng/hồ sơ Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 25.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 12.000 đồng/hồ sơ
13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002255.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;	Đối với tổ chức: 500.000 đồng/hồ sơ Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 25.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 12.000 đồng/hồ sơ
14	Đăng ký thay đổi tài sản Đăng ký thay đổi tài sản	1.002380.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	1.002273.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 500.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 25.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 12.000 đồng/hồ sơ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
16	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	1.002993.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 500.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 25.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 12.000 đồng/hồ sơ
17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	2.000889.00 0 .00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
18	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.001991.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
						+Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
19	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; - Nghị định số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.</p>	2.000880.00 0.00.00.H14	3		<p>Nghị quyết số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng</p>	<p>- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
20	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	1.001134.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
21	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	1.005194.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 50.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 20.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 10.000 đồng/hồ sơ
22	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.001980.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ + Tại các khu vực khác: 14.000 đồng/hồ sơ
23	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	1.001009.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	- Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường thuộc thành phố Cao Bằng: 28.000 đồng/ hồ sơ
VII	SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ					
*	Lĩnh vực thành lập liên minh hợp tác xã					

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
1	Đăng ký thành lập liên minh hợp tác xã	1.005125.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	Lệ phí đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã: 50.000 đồng/lần
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).					50.000 đồng/lần cấp
3	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh					30.000 đồng/lần cấp
4	Cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc bản sao trích lục nội dung đăng ký kinh doanh					3.000 đồng/1 bản
5	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh					15.000 đồng/1 bản
VIII	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ					
*	Lĩnh vực việc làm					

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
1	Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000205.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	600.000 đồng/giấy phép
2	Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000192.00 0.00.00.H14		4		450.000 đồng/giấy phép
*	Lĩnh vực đất đai					
1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế	TT chưa được đồng nhất trên cổng dịch vụ công, Ban đang trình xin ý kiến của UBND tỉnh			Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của tổ chức) - Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 2.000.000 đồng/hồ sơ; - Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cấp lại: 1.500.000 đồng/hồ sơ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế	TT chưa được đồng nhất trên cổng dịch vụ công, Ban đang trình xin ý kiến của UBND tỉnh			Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của tổ chức) - Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 2.000.000 đồng/hồ sơ; - Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cấp lại: 1.500.000 đồng/hồ sơ
B	CẤP HUYỆN					
I	SỞ TƯ PHÁP					
*	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.00 0.00.00.H14		4	- Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528.00 0.00.00.H14	3	75.000 đồng		
3	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.00 0.00.00.H14	3	1.500.000 đồng		

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.00 0.00.00.H14	3			75.000 đồng
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695.00 0.00.00.H14	3			1.575.000 đồng
6	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	2.000748.00 0.00.00.H14	3			28.000 đồng
7	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.00 0.00.00.H14	3			75.000 đồng
8	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513.00 0.00.00.H14	3			1.500.000 đồng
9	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.00 0.00.00.H14	3			75.000 đồng
10	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Chưa có trên cổng DVC của tỉnh	Đã đề nghị lên mức độ 3 nhưng chưa được UBND tỉnh công		Nghị quyết số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	75.000 đồng
11	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài					75.000 đồng
12	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài					75.000 đồng
13	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải					1.500.000 đồng

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
	quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		bổ			
14	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài					75.000 đồng
15	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)					75.000 đồng
16	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân					75.000 đồng
C	CẤP XÃ					
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký
2	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- “15.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
						thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
3	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- “15.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- “15.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật
5	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	1.004859.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- “15.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật
6	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- “15.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật
7	Đăng ký lại khai sinh	1.004884.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	- “8.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
8	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- “8.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
9	Đăng ký lại kết hôn	1.004746.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của	- “30.000 đồng” - Miễn lệ phí cho người thuộc gia

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Mức độ dịch vụ công trực tuyến		Văn bản pháp lý có liên quan đến phí, lệ phí	Mức thu phí, lệ phí
			3	4		
					Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
10	Đăng ký lại khai tử	1.005461.00 0.00.00.H14	3		Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- “8.000 đồng” "- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
II	CÔNG AN TỈNH					
1	Đăng ký thường trú thực hiện tại công an cấp xã	1.004222.00 0.00.00.H14		4	Nghị quyết số 42/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	10.000 đồng
2	Gia hạn tạm trú thực hiện tại công an cấp xã	1.002755.00 0.00.00.H14		4		6.000 đồng
3	Tách hộ thực hiện tại công an cấp xã	1.010039.00 0.00.00.H14		4		10.000 đồng
4	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú thực hiện tại công an cấp xã	1.010039.00 0.00.00.H14		4		6.000 đồng
5	Xác nhận thông tin về cư trú thực hiện tại công an cấp xã	1.010041.00 0.00.00.H14		4		6.000 đồng

Tổng cộng: 85 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có thu phí, lệ phí.

Trong đó: - 42 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

- 43 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Ngày 02/11/2022, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1402/STTTT-BCVTCNTT của Sở Thông tin và Truyền thông về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (*hồ sơ gửi thẩm định đầy đủ theo quy định*); sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

- Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Tại hiệu lực của văn bản, vì phí, lệ phí thu được liên quan đến thu ngân sách nhà nước năm 2022. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể quy định hiệu lực của Nghị quyết như sau "*Nghị quyết này... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023*" để thuận lợi trong quá trình áp dụng, thực hiện.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo cơ bản đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa các nội dung sau:

- Việc đánh số thứ tự của dự thảo Nghị quyết cần thực hiện theo đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Rà soát, chỉnh sửa chính tả.

4. Một số nội dung khác

* Đối với dự thảo Tờ trình

- Tại phần đầu của dự thảo Nghị quyết, đề nghị nên bỏ nội dung “sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số /TTr-STTTT ngày /10/2022”, vì cơ quan trình văn bản là Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Tại phần cơ sở pháp lý, đề nghị bổ sung căn cứ là Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tại phần sự cần thiết ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nêu rõ, nhấn mạnh thêm việc khuyến khích các tổ chức sử dụng các dịch vụ công trực tuyến để tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến là một trong những nhiệm vụ, tiêu chí quan trọng trong thực hiện cải cách hành chính để nhằm làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Nghị quyết này, góp phần thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính của tỉnh Cao Bằng trong thời gian tới.

- Tại phần quá trình soạn thảo, đề nghị dự thảo bổ sung nội dung về kết quả thẩm định của Sở Tư pháp và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo.

- Đối với Phụ lục số 1, đề nghị rà soát các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí, lệ phí cho chính xác (như TTHC thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng đã có Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng...).

5. Kết luận

Qua thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa các nội dung cơ quan thẩm định cho ý kiến hoặc giải trình những nội dung không tiếp thu đề dự thảo Nghị quyết quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn

tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Giám đốc Sở Tư pháp (b/c);
- Lưu: VT, XDVB&PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Dực

Số: 1425 /BC-STTTT

Cao Bằng, ngày 07 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Ngày 03/11/2022, Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) nhận được Báo cáo thẩm định Dự thảo Nghị quyết quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng của Sở Tư pháp tại công văn số 225/BCTĐ-STP ngày 03/11/2022. Sở Thông tin và Truyền thông chỉnh sửa các nội dung cơ quan thẩm định cho ý kiến và giải trình cụ thể như sau:

*** Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên**

Tại hiệu lực của văn bản, vì phí, lệ phí thu được liên quan đến thungân sách nhà nước năm 2022. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể quy định hiệu lực của Nghị quyết như sau “Nghị quyết này... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023” để thuận lợi trong quá trình áp dụng, thực hiện.

Ý kiến của Sở TT&TT: Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

*** Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

-Việc đánh số thứ tự của dự thảo Nghị quyết cần thực hiện theo đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Rà soát, chỉnh sửa chính tả.

Ý kiến của Sở TT&TT: Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

*** Một số nội dung khác**

Đối với dự thảo Tờ trình

- Tại phần đầu của dự thảo Nghị quyết, đề nghị nên bỏ nội dung “sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số /TTr-STTTT ngày /10/2022”, vì cơ quan trình văn bản là Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của Sở TT&TT: Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

- Tại phần cơ sở pháp lý, đề nghị bổ sung căn cứ là Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ý kiến của Sở TT&TT: Tiếp thu và bổ sung nội dung vào dự thảo Nghị quyết.

- Tại phần sự cần thiết ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nêu rõ, nhấn mạnh thêm việc khuyến khích các tổ chức sử dụng các dịch vụ công trực tuyến để tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến là một trong những nhiệm vụ, tiêu chí quan trọng trong thực hiện cải cách hành chính để nhằm làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Nghị quyết này, góp phần thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính của tỉnh Cao Bằng trong thời gian tới.

Ý kiến của Sở TT&TT: Tiếp thu và bổ sung nội dung vào dự thảo Nghị quyết.

- Tại phần quá trình soạn thảo, đề nghị dự thảo bổ sung nội dung về kết quả thẩm định của Sở Tư pháp và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Ý kiến của Sở TT&TT: Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

- Đối với Phụ lục số 1, đề nghị rà soát các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí, lệ phí cho chính xác (như TTHC thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng đã có Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng...)

Ý kiến của Sở TT&TT: Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các Phó GD sở;
- Thanh tra sở;
- Lưu: VT, BCVTCNTT.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Ngọc Sơn